DANH SÁCH HỌC VIÊN CHUYÊN KHOA I KHOÁ 18 THI NGOẠI NGỮ

Thời gian : 7h30 ngày 06-9-2014 **Phòng thi số : 01** **GĐ : 201 - T2 - B3**

TT	SBD	Họ tên	Năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp bài
1	**1**	Hà Thanh Hải	02/10/1983	Thái Bình	Chẩn đoán hình ảnh	Anh văn		
2	**2**	Nguyễn Tiến Duẩn	17/08/1981	Bắc Ninh	Chẩn đoán hình ảnh	Anh văn		
3	**3**	Hoàng Hữu Luận	29/05/1984	Bắc Giang	Chẩn đoán hình ảnh	Anh văn		
4	**4**	Lưu Anh Đông	01/11/1985	Nam Định	Chẩn đoán hình ảnh	Anh văn		
5	**5**	Hoàng Khắc Thiệp	16/12/1975	Nam Định	Chẩn đoán hình ảnh	Anh văn		
6	**6**	Nguyễn Thị Anh Đào	17/12/1979	Bắc Ninh	Chẩn đoán hình ảnh	Anh văn		
7	**7**	Đào Thị Thùy Linh	22/08/1983	Thái Bình	Chẩn đoán hình ảnh	Anh văn		
8	**8**	Nguyễn Anh Tuấn	20/02/1981	Phú Thọ	Chẩn đoán hình ảnh	Anh văn		
9	**9**	Nguyễn Văn Chiến	02/03/1984	Bắc Ninh	Chẩn đoán hình ảnh	Anh văn		
10	**10**	Vũ Quang Đăng	26/02/1987	Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	Anh văn		
11	**11**	Bùi Thị Thanh Thảo	16/09/1982	Thái Bình	Chẩn đoán hình ảnh	Anh văn		
12	**12**	Phạm Thị Minh Hoa	04/04/1971	Hà Nam	Chẩn đoán hình ảnh	Anh văn		
13	**13**	Phạm Thị Giáng Hương	16/09/1982	Điện Biên	Chẩn đoán hình ảnh	Anh văn		
14	**14**	Hoàng Thị Thu Thuỷ	04/12/1973	Phú Thọ	Chẩn đoán hình ảnh	Anh văn		
15	**15**	Trần Văn Dũng	13/05/1984	Yên Bái	Chẩn đoán hình ảnh	Anh văn		
16	**16**	Ngô Thị Vân Anh	17/03/1982	Sơn La	Chẩn đoán hình ảnh	Anh văn		
17	**17**	Trần Thị Thanh	24/09/1977	Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	Anh văn		
18	**18**	Vàng A Dũng	06/07/1985	Lào Cai	Ngoại khoa	Anh văn		
19	**19**	Tạ Quang Hiện	26/10/1984	Hà Nội	Ngoại khoa	Anh văn		
20	**20**	Trần Hồng Đức	26/09/1983	Hưng Yên	Ngoại khoa	Anh văn		
21	**21**	Nguyễn Anh Tuấn	11/08/1985	Lào Cai	Ngoại khoa	Anh văn		
22	**22**	Nguyễn Tiến Dũng	10/06/1983	Quảng Ninh	Ngoại khoa	Anh văn		
23	**23**	Lê Hoàng Minh	28/04/1982	Hà Nội	Ngoại khoa	Anh văn		
24	**24**	Đinh Văn Dũng	21/12/1984	Hà Nội	Y học cổ truyền	Anh văn		
25	**25**	Lê Thị Duyên	20/09/1984	Hà Nội	Y học cổ truyền	Anh văn		

Tổng số bài thi : ……

Tổng số tờ giấy thi : ……..

CÁN BỘ COI THI 1 **CÁN BỘ COI THI 2**

(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN) **(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN)**

DANH SÁCH HỌC VIÊN CHUYÊN KHOA I KHOÁ 18 THI NGOẠI NGỮ

Thời gian : 7h30 ngày 06-9-2014 **Phòng thi số : 02** **GĐ : 202 - T2 - B3**

TT	SBD	Họ tên	Năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp bài
1	**26**	Nguyễn Thanh Bình	15/11/1985	Lai Châu	Ngoại - BVVĐ	Anh văn		
2	**27**	Bùi Văn Cảnh	24/08/1980	Bắc Giang	Ngoại - BVVĐ	Anh văn		
3	**28**	Nguyễn Duy Hưng	27/03/1983	Thái Nguyên	Ngoại - BVVĐ	Anh văn		
4	**29**	Lưu Ngọc Tú	12/10/1983	Hưng Yên	Ngoại - BVVĐ	Anh văn		
5	**30**	Nguyễn Trọng Huân	13/09/1986	Bắc Giang	Ngoại - BVVĐ	Anh văn		
6	**31**	Hoàng Công Tới	15/12/1986	Điện Biên	Ngoại - BVVĐ	Anh văn		
7	**32**	Đặng Xuân Tùng	27/04/1987	Hải Dương	Ngoại - BVVĐ	Anh văn		
8	**33**	Đinh Xuân Trường	02/10/1978	Ninh Bình	Ngoại - BVVĐ	Anh văn		
9	**34**	Nguyễn Hùng Dũng	08/01/1987	Nghệ An	Ngoại - BVVĐ	Anh văn		
10	**35**	Nguyễn Duy Cường	03/01/1985	Lào Cai	Ngoại - BVVĐ	Anh văn		
11	**36**	Nguyễn Đức Hòa	15/07/1987	Hưng Yên	Ngoại - BVVĐ	Anh văn		
12	**37**	Nguyễn Văn Lâm	12/07/1981	Hải Dương	Ngoại - BVVĐ	Anh văn		
13	**38**	Đặng Tiến Liêm	10/01/1987	Hà Nội	Ngoại - BVVĐ	Anh văn		
14	**39**	Nguyễn Thanh Phong	12/03/1987	Hải Phòng	Ngoại - BVVĐ	Anh văn		
15	**40**	Nguyễn Hồng Quân	08/11/1984	Hưng Yên	Ngoại - BVVĐ	Anh văn		
16	**41**	Hoàng Huy Toàn	09/12/1984	Quảng Ninh	Ngoại - BVVĐ	Anh văn		
17	**42**	Nguyễn Huy Toàn	12/11/1978	Lào Cai	Ngoại - BVVĐ	Anh văn		
18	**43**	Nguyễn Đức Trịnh	03/06/1971	Thái Nguyên	Ngoại - BVVĐ	Anh văn		
19	**44**	Trần Đức Trọng	02/12/1984	Nghệ An	Ngoại - BVVĐ	Anh văn		
20	**45**	Ngô Mạnh Tuyến	05/07/1983	Bắc Giang	Ngoại - BVVĐ	Anh văn		
21	**46**	Trần Văn Út	07/04/1984	Hải Dương	Gây mê hồi sức	Anh văn		
22	**47**	Vương Danh Chính	30/11/1982	Hà Nội	Gây mê hồi sức	Anh văn		
23	**48**	Nguyễn Trung Kiên	24/03/1983	Bắc Ninh	Gây mê hồi sức	Anh văn		
24	**49**	Nguyễn Thuỳ Linh	19/09/1987	Quảng Ninh	Gây mê hồi sức	Anh văn		
25	**50**	Đàm Thị Việt Hà	25/06/1983	Thái Nguyên	Gây mê hồi sức	Anh văn		
26	**51**	Nguyễn Khắc Tú	09/07/1983	Nghệ An	Gây mê hồi sức	Anh văn		

Tổng số bài thi : ……

Tổng số tờ giấy thi : ……..

CÁN BỘ COI THI 1 **CÁN BỘ COI THI 2**

(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN) **(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN)**

DANH SÁCH HỌC VIÊN CHUYÊN KHOA I KHOÁ 18 THI NGOẠI NGỮ

Thời gian : 7h30 ngày 06-9-2014 **Phòng thi số : 03** **GĐ : 203 - T2 - B3**

TT	SBD	Họ tên	Năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp bài
1	**52**	Lê Thị Hương Giang	20/05/1974	Quảng Ninh	Nhãn khoa	Anh văn		
2	**53**	Vũ Cao Ngọc	20/10/1982	Bắc Ninh	Nhãn khoa	Anh văn		
3	**54**	Nguyễn Văn Điệp	20/10/1977	Bắc Ninh	Nhãn khoa	Anh văn		
4	**55**	Trần Thị Thu Huyền	06/11/1983	Hải Dương	Nhãn khoa	Anh văn		
5	**56**	Lã Thị Quyên	27/04/1979	Thái Nguyên	Nhãn khoa	Anh văn		
6	**57**	Khúc Hữu Hiện	02/09/1971	Bắc Ninh	Nhãn khoa	Anh văn		
7	**58**	Nguyễn Thu Uyên	28/05/1983	Hà Nội	Nhãn khoa	Anh văn		
8	**59**	Nguyễn Vĩnh Chung	27/02/1980	Yên Bái	Nhãn khoa	Anh văn		
9	**60**	Lê Minh Hạnh	27/07/1977	Hà Nam	Nhãn khoa	Anh văn		
10	**61**	Cao Khắc Anh	07/01/1983	Nghệ An	Tai Mũi Họng	Anh văn		
11	**62**	Hoàng Đức Liêm	13/08/1984	Hà Nội	Tai Mũi Họng	Anh văn		
12	**63**	Nguyễn Thanh Sơn	25/10/1984	Bắc Giang	Tai Mũi Họng	Anh văn		
13	**64**	Vũ Thị Huyền Trang	11/08/1986	Nam Định	Tai Mũi Họng	Anh văn		
14	**65**	Nguyễn Xuân Đại	29/04/1973	Hải Phòng	Tai Mũi Họng	Anh văn		
15	**66**	Nguyễn Thanh Huyền	21/09/1982	Quảng Ninh	Tai Mũi Họng	Anh văn		
16	**67**	Nguyễn Thuý Hà	12/08/1981	Hà Nội	KT YH - XN	Anh văn		
17	**68**	Đỗ Đình Đĩnh	23/01/1982	Nam Định	KT YH - XN	Anh văn		
18	**69**	Hoàng Văn Hiên	15/09/1984	Hà Nội	KT YH - XN	Anh văn		
19	**70**	Bùi Thanh Hương	20/01/1971	Hà Nội	KT YH - XN	Anh văn		
20	**71**	Việt Tiến Dũng	21/02/1982	Thái Nguyên	KT YH - XN	Anh văn		
21	**72**	Đỗ Thị Hường	07/09/1988	Hà Nội	KT YH - XN	Anh văn		
22	**73**	Bùi Hải Tùng	03/10/1981	Hà Nội	KT YH - XN	Anh văn		
23	**74**	Lương Thị Thuỳ Dung	07/01/1986	Hà Nội	KT YH - XN	Anh văn		
24	**75**	Nguyễn Anh Đông	20/12/1981	Hải Phòng	KT YH - XN	Anh văn		
25	**76**	Nguyễn Thị Hạnh	01/09/1970	Hà Tĩnh	KT YH - XN	Anh văn		
26	**77**	Đào Thị Huệ	28/09/1971	Bắc Kạn	KT YH - XN	Anh văn		

Tổng số bài thi : ……

Tổng số tờ giấy thi : ……..

CÁN BỘ COI THI 1 **CÁN BỘ COI THI 2**

(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN) **(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN)**

DANH SÁCH HỌC VIÊN CHUYÊN KHOA I KHOÁ 18 THI NGOẠI NGỮ

Thời gian : 7h30 ngày 06-9-2014 **Phòng thi số : 04** **GĐ : 204 - T2 - B3**

TT	SBD	Họ tên	Năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp bài
1	**78**	Nguyễn Thị Tú Oanh	15/04/1982	Nghệ An	Răng Hàm Mặt	Anh văn		
2	**79**	Đặng Thị Hường	03/11/1982	Hải Dương	Răng Hàm Mặt	Anh văn		
3	**80**	Hà Nhật Quân	22/06/1986	Phú Thọ	Răng Hàm Mặt	Anh văn		
4	**81**	Trần Thanh Thuỷ	30/07/1968	Hà Nội	Hồi sức cấp cứu	Anh văn		
5	**82**	Nguyễn Thị Trang	05/03/1982	Quảng Ninh	Hồi sức cấp cứu	Anh văn		
6	**83**	Nguyễn Văn Bằng	29/01/1977	Hà Nội	Hồi sức cấp cứu	Anh văn		
7	**84**	Nguyễn Viết Cường	01/06/1974	Hà Tĩnh	Hồi sức cấp cứu	Anh văn		
8	**85**	Đoàn Như Lễ	20/01/1972	Nam Định	Hồi sức cấp cứu	Anh văn		
9	**86**	Giang Thị Huế	04/11/1981	Thái Bình	Nhi khoa	Anh văn		
10	**87**	Đào Thanh Mai	26/11/1984	Hà Nam	Nhi khoa	Anh văn		
11	**88**	Đồng Thị Hằng	27/12/1983	Nghệ An	Nhi khoa	Anh văn		
12	**89**	Phạm Thị Thu Hà	12/12/1979	Hà Nội	Nhi khoa	Anh văn		
13	**90**	Nguyễn Thị Minh	09/09/1984	Hà Nội	Nhi khoa	Anh văn		
14	**91**	Nguyễn Thị Ngọc	08/08/1982	Thanh Hoá	Nhi khoa	Anh văn		
15	**92**	Nguyễn Quốc Bình	16/06/1983	Hà Nội	Nhi khoa	Anh văn		
16	**93**	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	20/05/1969	Hà Nội	Nhi khoa	Anh văn		
17	**94**	Nguyễn Thị Nga	07/03/1985	Hà Nội	Nhi khoa	Anh văn		
18	**95**	Nguyễn Thị Lan Khanh	13/06/1981	Hà Nội	Nhi khoa	Anh văn		
19	**96**	Nguyễn Thị Vân	18/10/1981	Bắc Ninh	Nội khoa	Anh văn		
20	**97**	Đỗ Thuỳ Linh	27/11/1983	Hoà Bình	Nội khoa	Anh văn		
21	**98**	Đỗ Thị Thu Trang	28/03/1983	Bắc Giang	Nội khoa	Anh văn		
22	**99**	Nguyễn Thị Chiến	01/10/1981	Hà Nội	Nội khoa	Anh văn		
23	**100**	Lê Thị Mỹ Hạnh	12/02/1984	Nghệ An	Nội khoa	Anh văn		
24	**101**	Thái Thị Mỹ Lệ	07/12/1971	Hà Nội	Nội khoa	Anh văn		
25	**102**	Hoàng Thị Thuý Vui	17/11/1970	Thái Bình	Nội khoa	Anh văn		

Tổng số bài thi : ……

Tổng số tờ giấy thi : ……..

CÁN BỘ COI THI 1 **CÁN BỘ COI THI 2**

(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN) **(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN)**

DANH SÁCH HỌC VIÊN CHUYÊN KHOA I KHOÁ 18 THI NGOẠI NGỮ

Thời gian : 7h30 ngày 06-9-2014 **Phòng thi số : 05** **GĐ : 205 - T2 - B3**

TT	SBD	Họ tên	Năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp bài
1	**103**	Phạm Kỳ Anh	13/10/1978	Hải Phòng	Giải phẫu bệnh	Anh văn		
2	**104**	Nguyễn Quang Anh	04/10/1974	Hà Nội	Phục hồi chức năng	Anh văn		
3	**105**	Thân Văn Mười	20/08/1970	Bắc Giang	Phục hồi chức năng	Anh văn		
4	**106**	Phan Đăng Lợi	25/05/1975	Hà Tĩnh	Phục hồi chức năng	Anh văn		
5	**107**	Nguyễn Trường Xuân	31/01/1962	Hà Nội	Y học gia đình	Anh văn		
6	**108**	Trần Thanh Vân	13/03/1973	Hà Nội	Y học gia đình	Anh văn		
7	**109**	Trịnh Hùng Sơn	01/06/1982	Ninh Bình	Ung thư	Anh văn		
8	**110**	Hoàng Trọng Bằng	17/11/1983	Hoà Bình	Ung thư	Anh văn		
9	**111**	Tẩn A Pao	09/10/1983	Lai Châu	Ung thư	Anh văn		
10	**112**	Lê Vĩnh Giang	15/08/1974	Nghệ An	Ung thư	Anh văn		
11	**113**	Nguyễn Thị Thuý	22/02/1984	Bắc Giang	Ung thư	Anh văn		
12	**114**	Nguyễn Hồng Phương	25/10/1982	Hải Dương	Ung thư	Anh văn		
13	**115**	Lê Thị Hương Trầm	3.3.1984	Nghệ An	Nội TM- BVBM	Anh văn		
14	**116**	Nguyễn Quang Minh	28.7.1988	Hà Nội	Nội TM- BVBM	Anh văn		
15	**117**	Đào Thị Tuyết Mai	26.5.1980	Hưng Yên	Nội TM- BVBM	Anh văn		
16	**118**	Phạm Thị Phương	11.07.1981	Thanh Hoá	Nội TM- BVBM	Anh văn		
17	**119**	Nguyễn Thị Hằng Nga	4.10.1981	Tuyên Quang	Nội TM- BVBM	Anh văn		
18	**120**	Nguyễn Thi Hà	09.5.1987	Hải Phòng	Nội TM- BVBM	Anh văn		
19	**121**	Phạm Trung Hiếu	15.9.1987	Hưng Yên	Nội TM- BVBM	Anh văn		
20	**122**	Sải Thị Kim Lan	26.01.1974	Hà Giang	Nội TM- BVBM	Anh văn		
21	**123**	Nguyễn Thị Hải	12.10.1986	Hà Nội	Nội TM- BVBM	Anh văn		
22	**124**	Tống Phong Vũ	25.05.1980	Hà Tĩnh	Nội TM- BVBM	Anh văn		
23	**125**	Nguyễn Thiện Nam	05.01.1968	Hà Nội	Nội TM- BVBM	Anh văn		
24	**126**	Bùi Minh Châu	02/08/1987	Hoà Bình	Nội TM- BVBM	Anh văn		

Tổng số bài thi : ……

Tổng số tờ giấy thi : ……..

CÁN BỘ COI THI 1 **CÁN BỘ COI THI 2**

(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN) **(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN)**

DANH SÁCH HỌC VIÊN CHUYÊN KHOA I KHOÁ 18 THI NGOẠI NGỮ

Thời gian : 7h30 ngày 06-9-2014 **Phòng thi số : 06** **GĐ : 206 - T2 - B3**

TT	SBD	Họ tên	Năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp bài
1	**127**	Nguyễn Thị Tuyết Chinh	05/03/1986	Hà Nội	HH - Truyền máu	Anh văn		
2	**128**	Nguyễn Việt Dũng	29/09/1987	Phú Thọ	HHTM -BVTMTW	Anh văn		
3	**129**	Nguyễn Văn Chiến	29/09/1986	Bắc Giang	Ngoại nhi-BVNhiTW	Anh văn		
4	**130**	Vũ Đình Duy	07/10/1985	Hải Dương	Ngoại nhi-BVNhiTW	Anh văn		
5	**131**	Nguyễn Văn Vượng	23/01/1984	Hưng Yên	Ngoại nhi-BVNhiTW	Anh văn		
6	**132**	Đỗ Văn Hoàn	02/02/1983	Bắc Giang	Nhi khoa-BVNhiTW	Anh văn		
7	**133**	Hà Thị Huyền	05/06/1986	Thanh Hóa	Nhi khoa-BVNhiTW	Anh văn		
8	**134**	An Văn Nam	22/11/1981	Hà Nội	Nhi khoa-BVNhiTW	Anh văn		
9	**135**	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	25/04/1984	Lào Cai	Nhi khoa-BVNhiTW	Anh văn		
10	**136**	Nghiêm Thị Mai Sang	05/09/1986	Hà Nội	Nhi khoa-BVNhiTW	Anh văn		
11	**137**	Quách Thị Thanh	05/06/1984	Ninh Bình	Nhi khoa-BVNhiTW	Anh văn		
12	**138**	Nguyễn Đức Thịnh	24/10/1986	Bắc Ninh	Nhi khoa-BVNhiTW	Anh văn		
13	**139**	Nguyễn Thu Hằng	20/05/1984	Thái Nguyên	ĐD Nhi-BVNhiTW	Anh văn		
14	**140**	Vũ Thị Mai Hương	25/12/1973	Hà Nội	ĐD Nhi-BVNhiTW	Anh văn		
15	**141**	Bùi Thị Linh	16/10/1987	Thanh Hóa	ĐD Nhi-BVNhiTW	Anh văn		
16	**142**	Đinh Thị Tám	05/02/1985	Hải Dương	ĐD Nhi-BVNhiTW	Anh văn		
17	**143**	Nguyễn Lan Anh	27.5.1982	Hà Nội	PHCN- BVBM	Anh văn		
18	**144**	Nguyễn Thị Hồng Quyên	12.5.1987	Vĩnh Phúc	Nội - BVBM	Anh văn		
19	**145**	Nguyễn Thị Phương Thảo	03.7.1987	Quảng Ninh	Nội - BVBM	Anh văn		
20	**146**	Chu Đức Quỳnh	10.6.1980	Nghệ An	Nội - BVBM	Anh văn		
21	**147**	Phạm Thị Quỳnh Nga	25.08.1987	Hải Dương	Nội - BVBM	Anh văn		
22	**148**	Nguyễn Đức Du	02.02.1987	Hải Dương	Nội - BVBM	Anh văn		
23	**149**	Ngô Xuân Lam	08.3.1983	Hà Tĩnh	Nội - BVBM	Anh văn		
24								
25								

Tổng số bài thi : ……

Tổng số tờ giấy thi : ……..

CÁN BỘ COI THI 1 **CÁN BỘ COI THI 2**

(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN) **(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN)**

DANH SÁCH HỌC VIÊN CHUYÊN KHOA I KHOÁ 18 THI NGOẠI NGỮ

Thời gian : 7h30 ngày 06-9-2014 **Phòng thi số : 07** **GĐ : 207- T2 - B3**

TT	SBD	Họ tên	Năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp bài
1	**150**	Nguyễn Thị Thuỷ	14.4.1982	Hà Nam	CĐHA - BVBM	Anh văn		
2	**151**	Cao Thị Hồng Thuần	10.10.1970	Nghệ An	CĐHA - BVBM	Anh văn		
3	**152**	Lê Tiến Tú	31.3.1979	Hưng Yên	CĐHA - BVBM	Anh văn		
4	**153**	Giang Tiến Trung	20.7.1981	Yên Bái	CĐHA - BVBM	Anh văn		
5	**154**	Lương Minh Hồng	4.6.1969	Hà Nội	CĐHA - BVBM	Anh văn		
6	**155**	Trần Thanh Thuỷ Nhân	4.2.1986	Điện Biên	CĐHA - BVBM	Anh văn		
7	**156**	Phạm Thị Mai Thanh	21.3.1969	Hà Nội	CĐHA - BVBM	Anh văn		
8	**157**	Mông Thị Chuyên	26.06.1984	Bắc Cạn	CĐHA - BVBM	Anh văn		
9	**158**	Nguyễn Danh Thuỷ	29.10.1979	Lào Cai	CĐHA - BVBM	Anh văn		
10	**159**	Phạm Đình Long	28.7.1976	Hải Dương	CĐHA - BVBM	Anh văn		
11	**160**	Vũ Minh Đức	27.10.1979	Sơn La	CĐHA - BVBM	Anh văn		
12	**161**	Lê Hồng Lĩnh	08.9.1970	Nghệ An	CĐHA - BVBM	Anh văn		
13	**162**	Trương Tiến Quân	07.12.1976	Thanh Hoá	CĐHA - BVBM	Anh văn		
14	**163**	Phạm Hồng Minh	25.6.1987	Hải Phòng	CĐHA - BVBM	Anh văn		
15	**164**	Nguyễn Thuỳ Vân	06.8.1986	Hà Nội	CĐHA - BVBM	Anh văn		
16	**165**	Phạm Thị Thanh Xuân	16.9.1986	Hải Phòng	CĐHA - BVBM	Anh văn		
17	**166**	Nguyễn Ngọc Thái	13.7.1983	Phú Thọ	HSCC- BVBM	Anh văn		
18	**167**	Hoàng Hồng Quang	31.01.1978	Yên Bái	HSCC- BVBM	Anh văn		
19	**168**	Vũ Thành Trung	14.12.1984	Hưng Yên	HSCC- BVBM	Anh văn		
20	**169**	Bùi Quang Thiện	17.7.1982	Hà Tĩnh	HSCC- BVBM	Anh văn		
21	**170**	Lê Thị Hiền	24.2.1983	Sơn La	Tr.nhiễm- BVBM	Anh văn		
22	**171**	Phạm Công Đức	19.02.1982	Hải Dương	Tr.nhiễm- BVBM	Anh văn		
23	**172**	Ngô Trọng Hiếu	19.10.1978	Hưng Yên	Tr.nhiễm- BVBM	Anh văn		
24	**173**	Nguyễn Thị Lương	15/12/1985	Bắc Giang	Tr.nhiễm- BVBM	Anh văn		
25	**174**	Nguyễn Thị Hà	19/01/1971	Bắc Kạn	Tr.nhiễm- BVBM	Anh văn		

Tổng số bài thi : ……

Tổng số tờ giấy thi : ……..

CÁN BỘ COI THI 1 **CÁN BỘ COI THI 2**

(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN) **(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN)**

DANH SÁCH HỌC VIÊN CHUYÊN KHOA I KHOÁ 18 THI NGOẠI NGỮ

Thời gian : 7h30 ngày 06-9-2014 **Phòng thi số : 08** **GĐ : 208 - T2 - B3**

TT	SBD	Họ tên	Năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp bài
1	**175**	Vì A Bảo	20/10/1980	Điện Biên	Gây mê hồi sức	Pháp văn		
2	**176**	Tạ Văn Luân	25/02/1981	Vĩnh Phúc	Gây mê hồi sức	Pháp văn		
3	**177**	Ngô Văn Hiền	08/03/1979	Bắc Giang	Gây mê hồi sức	Pháp văn		
4	**178**	Phạm Cao Cương	03/07/1985	Ninh Bình	Gây mê hồi sức	Pháp văn		
5	**179**	Nguyễn Trọng Nghĩa	26/11/1981	Yên Bái	Gây mê hồi sức	Pháp văn		
6	**180**	Tân Văn Nghĩa	02/08/1981	Hải Dương	Gây mê hồi sức	Pháp văn		
7	**181**	Vi Văn Chung	15/07/1979	Lạng Sơn	Gây mê hồi sức	Pháp văn		
8	**182**	Đặng Mai Liên	13/08/1986	Quảng Ninh	Gây mê hồi sức	Pháp văn		
9	**183**	Trần Văn Luỹ	27/12/1979	Bắc Giang	Gây mê hồi sức	Pháp văn		
10	**184**	Thân Văn Sao	05/05/1971	Bắc Giang	Gây mê hồi sức	Pháp văn		
11	**185**	Nguyễn Thành Sơn	18/04/1979	Hà Nội	Gây mê hồi sức	Pháp văn		
12	**186**	Trần Ngọc Tuấn	12/04/1979	Nghệ An	Gây mê hồi sức	Pháp văn		
13	**187**	Lưu Đình Bình	05/02/1982	Thanh Hóa	GMHS-BVVĐ	Pháp văn		
14	**188**	Đinh Văn Chiến	12/06/1976	Hòa Bình	GMHS-BVVĐ	Pháp văn		
15	**189**	Hoàng Minh Hải	17/05/1984	Vĩnh Phúc	GMHS-BVVĐ	Pháp văn		
16	**190**	Nguyễn Thu Hiền	13/10/1986	Phú Thọ	GMHS-BVVĐ	Pháp văn		
17	**191**	Nguyễn Văn Quang	29/09/1976	Hải Phòng	GMHS-BVVĐ	Pháp văn		
18	**192**	Nghiêm Xuân Thi	22/10/1979	Hà Nội	GMHS-BVVĐ	Pháp văn		
19	**193**	Bùi Văn Thống	06/07/1985	Bắc Giang	GMHS-BVVĐ	Pháp văn		
20	**194**	Đặng Anh Tuân	05/10/1987	Yên Bái	GMHS-BVVĐ	Pháp văn		
21	**195**	Trần Văn Tú	07/01/1979	Bắc Giang	GMHS-BVVĐ	Pháp văn		
22	**196**	Nguyễn Danh Hưởng	21/02/1977	Hải Dương	Ngoại - BVVĐ	Pháp văn		
23	**197**	Nguyễn Việt Dũng	18/10/1982	Vĩnh Phúc	Y học dự phòng	Pháp văn		
24	**198**	Nguyễn Thị Vân	18/08/1974	Thanh Hóa	Y học dự phòng	Pháp văn		
25	**199**	Phạm Thị Huê	19/05/1969	Hải Dương	Y học dự phòng	Pháp văn		

Tổng số bài thi : ……

Tổng số tờ giấy thi : ……..

CÁN BỘ COI THI 1 **CÁN BỘ COI THI 2**

(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN) **(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN)**

DANH SÁCH HỌC VIÊN CHUYÊN KHOA I KHOÁ 18 THI NGOẠI NGỮ

Thời gian : 7h30 ngày 06-9-2014 **Phòng thi số : 09** **P101 - T1 - HĐD**

TT	SBD	Họ tên	Năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp bài
1	**200**	Vũ Đình Hoàng Hiệu	26/08/1982	Hưng Yên	Chẩn đoán hình ảnh	Pháp văn		
2	**201**	Hà Thị Vân Anh	11/04/1981	Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh	Pháp văn		
3	**202**	Hoàng Thị Bình	28/01/1980	Thái Nguyên	Chẩn đoán hình ảnh	Pháp văn		
4	**203**	Lê Văn Duẩn	08/02/1982	Hưng Yên	Chẩn đoán hình ảnh	Pháp văn		
5	**204**	Hà Thị Thanh Hương	13/11/1977	Thái Bình	Chẩn đoán hình ảnh	Pháp văn		
6	**205**	Nguyễn Thế Hùng	12/10/1983	Bắc Giang	Chẩn đoán hình ảnh	Pháp văn		
7	**206**	Nguyễn Thị Hường	23/07/1975	Bắc Ninh	Chẩn đoán hình ảnh	Pháp văn		
8	**207**	Nguyễn Triệu Quang	25/03/1984	Bắc Giang	Chẩn đoán hình ảnh	Pháp văn		
9	**208**	Nguyễn Thị Sáu Lục	23/06/1981	Yên Bái	Chẩn đoán hình ảnh	Pháp văn		
10	**209**	Đỗ Văn Cảnh	30/12/1981	Hà Giang	Chẩn đoán hình ảnh	Pháp văn		
11	**210**	Đèo Trung Thành	26/12/1983	Sơn La	Chẩn đoán hình ảnh	Pháp văn		
12	**211**	Trần Thị Bích Thuận	20/08/1975	Hà Tĩnh	Chẩn đoán hình ảnh	Pháp văn		
13	**212**	Phạm Thị Hảo	25/10/1978	Thanh Hóa	Y học cổ truyền	Pháp văn		
14	**213**	Nguyễn Văn Lân	08/10/1969	Hà Nội	Y học cổ truyền	Pháp văn		
15	**214**	Dương Thị Phương Mơ	17/05/1975	Thái Nguyên	Y học cổ truyền	Pháp văn		
16	**215**	Vũ Thị Lan	17/09/1972	Hải Dương	Y học cổ truyền	Pháp văn		
17	**216**	Nguyễn Văn Minh	04/02/1978	Nghệ An	Y học cổ truyền	Pháp văn		
18	**217**	Lê Như Hoa	23/09/1983	Hà Nội	Y học cổ truyền	Pháp văn		
19	**218**	Hoàng Đức Huy	24/10/1970	Hà Nội	Y học cổ truyền	Pháp văn		
20	**219**	Nguyễn Đình Mỵ	16/05/1970	Vĩnh Phúc	Y học cổ truyền	Pháp văn		
21	**220**	Đặng Thị Hồng Sen	11/02/1971	Lạng Sơn	Y học cổ truyền	Pháp văn		
22	**221**	Đào Thị Xuân Hoà	20/09/1973	Lào Cai	Y học cổ truyền	Pháp văn		
23	**222**	Phan Trường Trang	20/12/1971	Thái Nguyên	Y học cổ truyền	Pháp văn		
24	**223**	Ngô Văn Kỳ	28/03/1972	Bắc Ninh	Y học cổ truyền	Pháp văn		
25	**224**	Nguyễn Văn Lượng	21/10/1966	Hà Nội	Y học cổ truyền	Pháp văn		

Tổng số bài thi : ……

Tổng số tờ giấy thi : ……..

CÁN BỘ COI THI 1 **CÁN BỘ COI THI 2**

(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN) **(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN)**

DANH SÁCH HỌC VIÊN CHUYÊN KHOA I KHOÁ 18 THI NGOẠI NGỮ

Thời gian : 7h30 ngày 06-9-2014 **Phòng thi số : 10** **Địa điểm: P107 - T1 - HĐD**

TT	SBD	Họ tên	Năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp bài
1	**225**	Phạm Văn Cư	21/09/1974	Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh	Pháp văn		
2	**226**	Nguyễn Kiên Cường	07/09/1978	Phú Thọ	Chẩn đoán hình ảnh	Pháp văn		
3	**227**	Lại Phương Nam	09/09/1972	Tuyên Quang	Chẩn đoán hình ảnh	Pháp văn		
4	**228**	Nguyễn Quang Thắng	19/04/1964	Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh	Pháp văn		
5	**229**	Phạm Đình Hanh	19/09/1979	Phú Thọ	Chẩn đoán hình ảnh	Pháp văn		
6	**230**	Trần Quang Minh	15/09/1974	Bắc Giang	Chẩn đoán hình ảnh	Pháp văn		
7	**231**	Ngô Trần Thành	07/02/1982	Hòa Bình	Chẩn đoán hình ảnh	Pháp văn		
8	**232**	Bùi Đăng Chương	03/01/1973	Hải Phòng	Chẩn đoán hình ảnh	Pháp văn		
9	**233**	Nguyễn Quang Kính	06/05/1983	Vĩnh Phúc	Chẩn đoán hình ảnh	Pháp văn		
10	**234**	Phạm Trung Sơn	07/09/1973	Vĩnh Phúc	Chẩn đoán hình ảnh	Pháp văn		
11	**235**	Nguyễn Đức Trung	15/09/1985	Thanh Hoá	Chẩn đoán hình ảnh	Pháp văn		
12	**236**	Nguyễn Duy Tùng	01/11/1976	Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh	Pháp văn		
13	**237**	Trần Văn Tâm	05/05/1979	Yên Bái	Chẩn đoán hình ảnh	Pháp văn		
14	**238**	Bế Mạnh Trường	20/11/1984	Lạng Sơn	Chẩn đoán hình ảnh	Pháp văn		
15	**239**	Đoàn Văn Bẩy	15/07/1974	Bắc Ninh	Chẩn đoán hình ảnh	Pháp văn		
16	**240**	Cầm Tiến Đại	20/09/1980	Sơn La	Chẩn đoán hình ảnh	Pháp văn		
17	**241**	Lưu Trung Kiên	28/08/1976	Hà Nội	Tai Mũi Họng	Pháp văn		
18	**242**	Đỗ Thị Thúy	13/10/1984	Thái Bình	Tai Mũi Họng	Pháp văn		
19	**243**	Ngô Trọng Tùng	28/04/1984	Bắc Giang	Tai Mũi Họng	Pháp văn		
20	**244**	Hoàng Văn Thành	10/10/1984	Bắc Ninh	Tai Mũi Họng	Pháp văn		
21	**245**	Võ Đông Anh	10/07/1967	Nghệ An	Tai Mũi Họng	Pháp văn		
22	**246**	Nguyễn Văn Bảo	16/09/1984	Bắc Giang	Tai Mũi Họng	Pháp văn		
23	**247**	Nguyễn Đức Hiếu	24/01/1979	Hà Nội	Tai Mũi Họng	Pháp văn		
24	**248**	Đỗ Ngọc Phan	20/10/1984	Quảng Ninh	Tai Mũi Họng	Pháp văn		
25	**249**	Nguyễn Văn Nhâm	02/06/1968	Hà Nội	Tai Mũi Họng	Pháp văn		

Tổng số bài thi : ……

Tổng số tờ giấy thi : ……..

CÁN BỘ COI THI 1 **CÁN BỘ COI THI 2**

(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN) **(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN)**

DANH SÁCH HỌC VIÊN CHUYÊN KHOA I KHOÁ 18 THI NGOẠI NGỮ

Thời gian : 7h30 ngày 06-9-2014 **Phòng thi số : 11** **Địa điểm: P109 - T1 - HĐD**

TT	SBD	Họ tên	Năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp bài
1	**250**	Đoàn Xuân Tùng	06/04/1983	Hải Phòng	Ngoại khoa	Pháp văn		
2	**251**	Chu Văn Kiên	06/12/1984	Hưng Yên	Ngoại khoa	Pháp văn		
3	**252**	Nguyễn Thanh Hải	15/05/1985	Nghệ An	Ngoại khoa	Pháp văn		
4	**253**	Nguyễn Mạnh Tiệp	06/04/1984	Yên Bái	Ngoại khoa	Pháp văn		
5	**254**	Trần Việt Phương	30/05/1985	Ninh Bình	Ngoại khoa	Pháp văn		
6	**255**	Nguyễn Minh Tuấn	24/09/1982	Hà Tĩnh	Ngoại khoa	Pháp văn		
7	**256**	Đặng Văn Lợi	08/02/1981	Yên Bái	Ngoại khoa	Pháp văn		
8	**257**	Hà Minh Đức	08/02/1984	Vĩnh Phúc	Ngoại khoa	Pháp văn		
9	**258**	Lê Văn Hiếu	13/06/1983	Nghệ An	Ngoại khoa	Pháp văn		
10	**259**	Bùi Ngọc Quý	28/06/1985	Phú Thọ	Ngoại khoa	Pháp văn		
11	**260**	Nguyễn Xuân Đại	18/12/1974	Lào Cai	Ngoại khoa	Pháp văn		
12	**261**	Nguyễn Văn Kết	03/07/1976	Bắc Ninh	Ngoại khoa	Pháp văn		
13	**262**	Đỗ Thị Thu Hương	15/06/1984	Hưng Yên	Da liễu	Pháp văn		
14	**263**	Phạm Lưu Hải	13/12/1973	Sơn La	Da liễu	Pháp văn		
15	**264**	Trần Đình Đức	26/05/1975	Hà Nam	Da liễu	Pháp văn		
16	**265**	Phạm Anh Tuấn	13/07/1977	Hà Tĩnh	Da liễu	Pháp văn		
17	**266**	Nguyễn Thị Xuân	15/08/1979	Yên Bái	Da liễu	Pháp văn		
18	**267**	Chu Thị Viện	19/08/1974	Bắc Giang	Da liễu	Pháp văn		
19	**268**	Nguyễn Thị Thanh Hải	25/09/1972	Hải Phòng	Da liễu	Pháp văn		
20	**269**	Nguyễn Như Toan	13/09/1964	Hà Nội	Da liễu	Pháp văn		
21	**270**	Cao Văn Toàn	07/06/1980	Nam Định	Da liễu	Pháp văn		
22	**271**	Nguyễn Văn Tuấn	03/07/1978	Hải Dương	Da liễu	Pháp văn		
23	**272**	Lê Văn Luật	01/10/1974	Hà Tĩnh	Da liễu	Pháp văn		
24	**273**	Nguyễn Chí Trung	02/02/1977	Hà Tĩnh	Da liễu	Pháp văn		
25								

Tổng số bài thi : ……

Tổng số tờ giấy thi : ……..

CÁN BỘ COI THI 1 **CÁN BỘ COI THI 2**

(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN) **(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN)**

DANH SÁCH HỌC VIÊN CHUYÊN KHOA I KHOÁ 18 THI NGOẠI NGỮ

Thời gian : 7h30 ngày 06-9-2014 **Phòng thi số : 12** **Địa điểm: P111 - T1 - HĐD**

TT	SBD	Họ tên	Năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp bài
1	**274**	Lý Văn Liền	16/04/1984	Lào Cai	Ngoại khoa	Pháp văn		
2	**275**	Nguyễn Thanh Tâm	07/01/1982	Quảng Ninh	Ngoại khoa	Pháp văn		
3	**276**	Chu Quốc Khánh	23/04/1979	Hà Giang	Ngoại khoa	Pháp văn		
4	**277**	Lý Đức Hùng	20/11/1975	Hà Giang	Ngoại khoa	Pháp văn		
5	**278**	Mai Như Hưng	08/03/1984	Thanh Hoá	Ngoại khoa	Pháp văn		
6	**279**	Nguyễn Văn Khanh	21/10/1978	Bắc Giang	Ngoại khoa	Pháp văn		
7	**280**	Nguyễn Hữu Quyền	19/11/1983	Hà Nội	Ngoại khoa	Pháp văn		
8	**281**	Nguyễn Đức Văn	28/01/1977	Bắc Ninh	Ngoại khoa	Pháp văn		
9	**282**	Quàng Văn Dũng	28/08/1976	Sơn La	Ngoại khoa	Pháp văn		
10	**283**	Nguyễn Minh Phương	28/03/1978	Hưng Yên	Ngoại khoa	Pháp văn		
11	**284**	Mã Tự Bền	08/02/1985	Cao Bằng	Ngoại khoa	Pháp văn		
12	**285**	Lê Minh Quân	06/02/1978	Hà Nội	Ngoại khoa	Pháp văn		
13	**286**	Hà Xuân Trường	18/10/1982	Hải Dương	Ngoại khoa	Pháp văn		
14	**287**	Ngọc Thanh Phương	22/11/1975	Hà Giang	Ngoại khoa	Pháp văn		
15	**288**	Bùi Đức Huệ	15/10/1972	Hoà Bình	Ngoại khoa	Pháp văn		
16	**289**	Bùi Văn Luyến	19/10/1968	Hoà Bình	Ngoại khoa	Pháp văn		
17	**290**	Giàng A Lu	15/09/1981	Yên Bái	Ngoại khoa	Pháp văn		
18	**291**	Nguyễn Văn Sang	23/04/1981	Bắc Giang	Nhãn khoa	Pháp văn		
19	**292**	Lăng Thị Thu Huyền	06/04/1977	Hà Nội	Nhãn khoa	Pháp văn		
20	**293**	Nguyễn Xuân Tương	01/05/1982	Hà Tĩnh	Nhãn khoa	Pháp văn		
21	**294**	Tri Công Long	10/09/1978	Thái Bình	Nhãn khoa	Pháp văn		
22	**295**	Nguyễn Thị Hải Vân	19/02/1972	Thái Nguyên	Nhãn khoa	Pháp văn		
23	**296**	Đỗ Hồng Chuyên	05/12/1971	Vĩnh Phúc	Lao	Pháp văn		
24	**297**	Trần Tuyết Nhung	28/03/1980	Yên Bái	Hoá sinh	Pháp văn		
25								

Tổng số bài thi : ……

Tổng số tờ giấy thi : ……..

CÁN BỘ COI THI 1 **CÁN BỘ COI THI 2**

(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN) **(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN)**

DANH SÁCH HỌC VIÊN CHUYÊN KHOA I KHOÁ 18 THI NGOẠI NGỮ

Thời gian : 7h30 ngày 06-9-2014 **Phòng thi số : 13** **Địa điểm: P113 - T1 - HĐD**

TT	SBD	Họ tên	Năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp bài
1	**298**	Nguyễn Trọng Tùng	23/06/1976	Sơn La	Giải phẫu bệnh	Pháp văn		
2	**299**	Chu Văn Hải	10/10/1968	Lạng Sơn	Giải phẫu bệnh	Pháp văn		
3	**300**	Nguyễn Văn Hùng	17/12/1986	Hải Dương	Giải phẫu bệnh	Pháp văn		
4	**301**	Phạm Thị Hải Thanh	01/05/1978	Yên Bái	Giải phẫu bệnh	Pháp văn		
5	**302**	Mai Đức Hùng	22/09/1979	Thanh Hoá	Giải phẫu bệnh	Pháp văn		
6	**303**	Hoàng Mạnh Cương	24/08/1983	Lạng Sơn	Hồi sức cấp cứu	Pháp văn		
7	**304**	Lê Phi Hùng	27/11/1982	Thanh Hoá	Hồi sức cấp cứu	Pháp văn		
8	**305**	Bùi Hoàng Điệp	26/10/1979	Tuyên Quang	Hồi sức cấp cứu	Pháp văn		
9	**306**	Nguyễn Thị Thu Hà	26/10/1979	Bắc Giang	Hồi sức cấp cứu	Pháp văn		
10	**307**	Nguyễn Văn Hội	13/08/1981	Thanh Hoá	Hồi sức cấp cứu	Pháp văn		
11	**308**	Trần Doãn Liên	20/07/1984	Vĩnh Phúc	Hồi sức cấp cứu	Pháp văn		
12	**309**	Đinh Thị Như	04/05/1982	Hải Dương	Hồi sức cấp cứu	Pháp văn		
13	**310**	Trần Văn Hiếu	16/06/1983	Hà Giang	Hồi sức cấp cứu	Pháp văn		
14	**311**	Phạm Nguyên Hoàng	23/12/1984	Hải Phòng	Hồi sức cấp cứu	Pháp văn		
15	**312**	Hoàng Công Lương	13/07/1986	Hà Nội	Hồi sức cấp cứu	Pháp văn		
16	**313**	Trần Hoài Quang	26/02/1982	Tuyên Quang	Hồi sức cấp cứu	Pháp văn		
17	**314**	Nguyễn Thị Minh Tâm	09/10/1985	Hà Giang	Hồi sức cấp cứu	Pháp văn		
18	**315**	Nguyễn Ngọc Trãi	19/05/1986	Hà Tĩnh	Hồi sức cấp cứu	Pháp văn		
19	**316**	Hà Trung Dũng	11/09/1978	Lai Châu	Hồi sức cấp cứu	Pháp văn		
20	**317**	Hà Sỹ Vượng	07/11/1962	Bắc Kạn	Hồi sức cấp cứu	Pháp văn		
21	**318**	Phạm Xuân Dũng	11/05/1981	Nghệ An	Hồi sức cấp cứu	Pháp văn		
22	**319**	Lê Văn Phong	17/10/1980	Bắc Giang	Hồi sức cấp cứu	Pháp văn		
23	**320**	Nguyễn Bá Thời	15/10/1973	Nghệ An	Hồi sức cấp cứu	Pháp văn		
24	**321**	Nguyễn Như Nhị	18/04/1980	Hà Nội	Hồi sức cấp cứu	Pháp văn		
25	**322**	Trần Quang Minh	07/08/1968	Hà Nội	Hồi sức cấp cứu	Pháp văn		

Tổng số bài thi : ……

Tổng số tờ giấy thi : ……..

CÁN BỘ COI THI 1 **CÁN BỘ COI THI 2**

(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN) **(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN)**

DANH SÁCH HỌC VIÊN CHUYÊN KHOA I KHOÁ 18 THI NGOẠI NGỮ

Thời gian : 7h30 ngày 06-9-2014 **Phòng thi số : 14** **Địa điểm: P203 - T2 - HĐD**

TT	SBD	Họ tên	Năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp bài
1	**323**	Nguyễn Thị Kim Hoà	03/02/1983	Hà Nội	Nhi khoa	Pháp văn		
2	**324**	Lê Tôn Hải	24/01/1986	Hà Nội	Nhi khoa	Pháp văn		
3	**325**	Vũ Thị Phương Hoa	17/08/1983	Quảng Ninh	Nhi khoa	Pháp văn		
4	**326**	Nguyễn Thị Lựu	04/05/1986	Quảng Ninh	Nhi khoa	Pháp văn		
5	**327**	Hoàng Đức Cương	27/01/1981	Tuyên Quang	Nhi khoa	Pháp văn		
6	**328**	Nguyễn Thị Giang	03/11/1986	Hưng Yên	Nhi khoa	Pháp văn		
7	**329**	Trần Văn Huân	10/04/1985	Hải Dương	Nhi khoa	Pháp văn		
8	**330**	Quách Thị Lơ	21/10/1981	Hòa Bình	Nhi khoa	Pháp văn		
9	**331**	Trần Quang Hồng	16/10/1981	Vĩnh Phúc	Nhi khoa	Pháp văn		
10	**332**	Quàng Thị Liên	30/05/1980	Điện Biên	Nhi khoa	Pháp văn		
11	**333**	Nguyễn Văn Thắng	08/08/1982	Bắc Ninh	Nhi khoa	Pháp văn		
12	**334**	Phạm Thị Khánh Thơ	03/09/1983	Hưng Yên	Nhi khoa	Pháp văn		
13	**335**	Nguyễn Thị Kim Anh	18/12/1973	Yên Bái	Nhi khoa	Pháp văn		
14	**336**	Uông Hồng Bích	05/01/1978	Hà Nội	Nhi khoa	Pháp văn		
15	**337**	Nguyễn Văn Cách	25/09/1986	Hà Nội	Nhi khoa	Pháp văn		
16	**338**	Lương Cao Đạt	24/02/1985	Hà Giang	Nhi khoa	Pháp văn		
17	**339**	Đoàn Thị Bích Ngọc	22/11/1982	Vĩnh Phúc	Nhi khoa	Pháp văn		
18	**340**	Đặng Thị Hồng Như	09/07/1982	Hà Nội	Nhi khoa	Pháp văn		
19	**341**	Ngô Thị Thảo	14/05/1977	Hà Giang	Nhi khoa	Pháp văn		
20	**342**	Nguyễn Hồng Nghiệp	19/08/1979	Hưng Yên	Nhi khoa	Pháp văn		
21	**343**	Vũ Thanh Quý	21/12/1984	Hải Dương	Nhi khoa	Pháp văn		
22	**344**	Lương Thế Huân	21/03/1980	Phú Thọ	Nhi khoa	Pháp văn		
23	**345**	Nguyễn Thị Miến	02/02/1985	Hưng Yên	Nhi khoa	Pháp văn		
24	**346**	Hoàng Công Trang	05/11/1983	Bắc Ninh	Nhi khoa	Pháp văn		
25	**347**	Mai Hồng Tình	07/05/1972	Quảng Ninh	Nhi khoa	Pháp văn		
26	**348**	Đoàn Thị Vân	06/12/1981	Nam Định	Nhi khoa	Pháp văn		
27	**349**	Nguyễn Thị Thúy Hằng	07/01/1982	Hà Nội	Nhi khoa	Pháp văn		

Tổng số bài thi : ……

Tổng số tờ giấy thi : ……..

CÁN BỘ COI THI 1 **CÁN BỘ COI THI 2**

(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN) **(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN)**

DANH SÁCH HỌC VIÊN CHUYÊN KHOA I KHOÁ 18 THI NGOẠI NGỮ

Thời gian : 7h30 ngày 06-9-2014 **Phòng thi số : 15** **Địa điểm: P205 - T2 - HĐD**

TT	SBD	Họ tên	Năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp bài
1	**350**	Lưu Bích Thảo	12/11/1983	Yên Bái	Nội khoa	Pháp văn		
2	**351**	Nguyễn Thị Thu	09/10/1977	Hưng Yên	Nội khoa	Pháp văn		
3	**352**	Vi Thị Thanh Hương	07/09/1982	Bắc Giang	Nội khoa	Pháp văn		
4	**353**	Võ Quang Hà	08/02/1976	Nghệ An	Nội khoa	Pháp văn		
5	**354**	Nguyễn Thị Lý	20/07/1974	Quảng Ninh	Nội khoa	Pháp văn		
6	**355**	Lê Trọng Tấn	01/08/1981	Thanh Hoá	Nội khoa	Pháp văn		
7	**356**	Trần Thị Thu Thủy	08/11/1984	Hải Dương	Nội khoa	Pháp văn		
8	**357**	Trịnh Ngọc Duy	23/06/1984	Thanh Hoá	Nội khoa	Pháp văn		
9	**358**	Lê Thị Kim Quy	13/05/1976	Quảng Ninh	Nội khoa	Pháp văn		
10	**359**	Nguyễn Kiên Sơn	05/02/1978	Hà Tĩnh	Nội khoa	Pháp văn		
11	**360**	Nguyễn Thị Yên	20/04/1975	Hà Nội	Nội khoa	Pháp văn		
12	**361**	Vũ Văn Chung	30/04/1973	Nam Định	Nội khoa	Pháp văn		
13	**362**	Nguyễn Văn Khương	21/06/1971	Hưng Yên	Nội khoa	Pháp văn		
14	**363**	Ngô Thị Luyến	25/08/1984	Bắc Giang	Nội khoa	Pháp văn		
15	**364**	Hà Tiến Lương	21/09/1971	Hà Nội	Nội khoa	Pháp văn		
16	**365**	Đào Mạnh Trung	26/04/1978	Hưng Yên	Nội khoa	Pháp văn		
17	**366**	Đinh Quốc Văn	01/01/1976	Hoà Bình	Nội khoa	Pháp văn		
18	**367**	Đỗ Thị Chinh	10/12/1973	Hà Nội	Nội khoa	Pháp văn		
19	**368**	Bùi Văn Nhung	23/10/1981	Hà Nam	Nội khoa	Pháp văn		
20	**369**	Nguyễn Thị Oanh	24/02/1984	Bắc Ninh	Nội khoa	Pháp văn		
21	**370**	Bế Thái Phượng	17/06/1979	Thái Nguyên	Nội khoa	Pháp văn		
22	**371**	Nguyễn Thạc Vũ Huy	10/06/1975	Bắc Ninh	Nội khoa	Pháp văn		
23	**372**	Nguyễn Văn Lâm	10/10/1970	Thanh Hoá	Nội khoa	Pháp văn		
24	**373**	Dương Lan Phương	03/04/1985	Bắc Ninh	Nội khoa	Pháp văn		
25	**374**	Trần Trung Tín	29/06/1982	Thái Nguyên	Nội khoa	Pháp văn		

Tổng số bài thi : ……

Tổng số tờ giấy thi : ……..

CÁN BỘ COI THI 1 **CÁN BỘ COI THI 2**

(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN) **(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN)**

DANH SÁCH HỌC VIÊN CHUYÊN KHOA I KHOÁ 18 THI NGOẠI NGỮ

Thời gian : 7h30 ngày 06-9-2014 **Phòng thi số : 16** **Địa điểm: P207 - T2 - HĐD**

TT	SBD	Họ tên	Năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp bài
1	**375**	Hoàng Minh Tuấn	23/04/1977	Hà Giang	Nội khoa	Pháp văn		
2	**376**	Nguyễn Thị Giang	28/08/1975	Hà Giang	Nội khoa	Pháp văn		
3	**377**	Chu Thị Huyền	30/08/1983	Hòa Bình	Nội khoa	Pháp văn		
4	**378**	Hoàng Thị Định	28/06/1975	Bắc Kạn	Nội khoa	Pháp văn		
5	**379**	Tạ Phú Đồng	13/05/1978	Phú Thọ	Nội khoa	Pháp văn		
6	**380**	Vũ Thị Liên	14/06/1970	Hà Nội	Nội khoa	Pháp văn		
7	**381**	Kiều Việt Phương	21/08/1972	Thanh Hoá	Nội khoa	Pháp văn		
8	**382**	Nguyễn Tất Thắng	17/12/1980	Bắc Giang	Nội khoa	Pháp văn		
9	**383**	Nguyễn Mạnh Hà	24/04/1977	Yên Bái	Nội khoa	Pháp văn		
10	**384**	Lê Anh Tuấn	03/11/1978	Thái Nguyên	Nội khoa	Pháp văn		
11	**385**	Đào Trọng Thắng	08/06/1983	Hà Nội	Nội khoa	Pháp văn		
12	**386**	Nguyễn Văn Thắng	05/04/1978	Bắc Giang	Nội khoa	Pháp văn		
13	**387**	Nguyễn Trường Giang	30/12/1984	Vĩnh Phúc	Nội khoa	Pháp văn		
14	**388**	Đỗ Thị Nguyệt	15/01/1981	Hải Dương	Nội khoa	Pháp văn		
15	**389**	Nguyễn Xuân Phòng	25/09/1976	Bắc Ninh	Tâm Thần	Pháp văn		
16	**390**	Trần Trọng Quảng	18/12/1976	Hà Nam	Tâm Thần	Pháp văn		
17	**391**	Lê Hùng Dũng	10/04/1986	Hòa Bình	Thần Kinh	Pháp văn		
18	**392**	Nguyễn Thị Khuê	24/11/1979	Thái Bình	Thần Kinh	Pháp văn		
19	**393**	Nguyễn Anh Tuấn	20/11/1979	Hà Nội	Thần Kinh	Pháp văn		
20	**394**	Ngọ Thị Đào	24/12/1983	Lạng Sơn	Truyền nhiễm	Pháp văn		
21	**395**	Ngô Văn An	07/08/1985	Hải Phòng	Truyền nhiễm	Pháp văn		
22	**396**	Nghiêm Văn Bình	04/07/1980	Hà Nội	Truyền nhiễm	Pháp văn		
23	**397**	Lưu Hoàng Long	31/12/1983	Hưng Yên	Ung thư	Pháp văn		
24	**398**	Nguyễn Thành Nam	16/10/1983	Quảng Ninh	Ung thư	Pháp văn		
25	**399**	Nguyễn Thị Thanh Huyề	16/07/1979	Bắc Giang	Ung thư	Pháp văn		

Tổng số bài thi : ……

Tổng số tờ giấy thi : ……..

CÁN BỘ COI THI 1 **CÁN BỘ COI THI 2**

(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN) **(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN)**

DANH SÁCH HỌC VIÊN CHUYÊN KHOA I KHOÁ 18 THI NGOẠI NGỮ

Thời gian : 7h30 ngày 06-9-2014 **Phòng thi số : 17** **Địa điểm: P209 - T2 - HĐD**

TT	SBD	Họ tên	Năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp bài
1	**400**	Nguyễn Thị Hưng	20/11/1980	Hưng Yên	Sản phụ khoa	Pháp văn		
2	**401**	Trần Thị Yến	15/07/1987	Hưng Yên	Sản phụ khoa	Pháp văn		
3	**402**	Hoàng Nghĩa Tuấn	05/10/1981	Nghệ An	Sản phụ khoa	Pháp văn		
4	**403**	Đặng Ngọc Dương	22/04/1983	Quảng Ninh	Sản phụ khoa	Pháp văn		
5	**404**	Đinh Thị Quỳnh Huế	20/02/1972	Ninh Bình	Sản phụ khoa	Pháp văn		
6	**405**	Trương Mạnh Hùng	21/03/1984	Hà Nội	Sản phụ khoa	Pháp văn		
7	**406**	Lê Việt Cường	23/12/1982	Hà Nội	Sản phụ khoa	Pháp văn		
8	**407**	Bùi Thị Thu Trang	05/04/1982	Nam Định	Sản phụ khoa	Pháp văn		
9	**408**	Quách Văn Hảo	01/05/1983	Hưng Yên	Sản phụ khoa	Pháp văn		
10	**409**	Phạm Thị Hậu	12/10/1983	Hà Nội	Sản phụ khoa	Pháp văn		
11	**410**	Bùi Thị Hiền	28/08/1976	Nghệ An	Sản phụ khoa	Pháp văn		
12	**411**	Trần Thị Huyền	01/05/1974	Thanh Hoá	Sản phụ khoa	Pháp văn		
13	**412**	Hoàng Văn Định	23/02/1986	Hưng Yên	Sản phụ khoa	Pháp văn		
14	**413**	Nguyễn Thị Hường	21/01/1978	Thái Nguyên	Sản phụ khoa	Pháp văn		
15	**414**	Nguyễn Họa Hải Ngư	18/03/1973	Bắc Ninh	Sản phụ khoa	Pháp văn		
16	**415**	Nguyễn Thu Thuỷ	17/05/1984	Bắc Ninh	Sản phụ khoa	Pháp văn		
17	**416**	Nguyễn Thị Minh Hải	4/11/1982	Ninh Bình	Sản phụ khoa	Pháp văn		
18	**417**	Nguyễn Đức Tuyển	10.8.1974	Bắc Giang	RHM- BVBM	Pháp văn		
19	**418**	Thân Ngọc Kiên	20.01.1985	Bắc Giang	RHM- BVBM	Pháp văn		
20	**419**	Lê Viết Hải	1.8.1983	Hải Dương	RHM- BVBM	Pháp văn		
21	**420**	Lê Thị Cúc	25.5.1963	Thanh Hoá	RHM- BVBM	Pháp văn		
22	**421**	Nguyễn Duy Hiếu	5.11.1981	Yên Bái	RHM- BVBM	Pháp văn		
23	**422**	Lý Mạnh Huy	09.10.1976	Lạng Sơn	RHM- BVBM	Pháp văn		
24	**423**	Nguyễn Hữu Thắm	20.10.1975	Thanh Hoá	RHM- BVBM	Pháp văn		
25	**424**	Nguyễn Duy Ngọc	7.11.1980	Phú Thọ	RHM- BVBM	Pháp văn		
26	**425**	Đỗ Long Khương	29.11.1982	Vĩnh Phúc	RHM- BVBM	Pháp văn		

Tổng số bài thi : ……

Tổng số tờ giấy thi : ……..

CÁN BỘ COI THI 1 **CÁN BỘ COI THI 2**

(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN) **(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN)**

DANH SÁCH HỌC VIÊN CHUYÊN KHOA I KHOÁ 18 THI NGOẠI NGỮ

Thời gian : 7h30 ngày 06-9-2014 **Phòng thi số : 18** **Địa điểm: P211 - T2 - HĐD**

TT	SBD	Họ tên	Năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp bài
1	**426**	Đặng Thị Dung	06/01/1985	Hưng Yên	Sản phụ khoa	Pháp văn		
2	**427**	Hà Thị Huế	25/05/1985	Tuyên Quang	Sản phụ khoa	Pháp văn		
3	**428**	Ngô Anh Quang	07/11/1983	Hà Nội	Sản phụ khoa	Pháp văn		
4	**429**	Nguyễn Thị Khánh Trâm	22/12/1982	Hã Tĩnh	Sản phụ khoa	Pháp văn		
5	**430**	Lê Minh Hùng	15/08/1984	Thanh Hoá	Sản phụ khoa	Pháp văn		
6	**431**	Bùi Đình Trường	20/02/1985	Hưng Yên	Sản phụ khoa	Pháp văn		
7	**432**	Dương Thị Hoà	24/10/1981	Thái Nguyên	Sản phụ khoa	Pháp văn		
8	**433**	Ma Thị Mai	08/09/1977	Tuyên Quang	Sản phụ khoa	Pháp văn		
9	**434**	Triệu Thị Bích Mai	28/11/1976	Cao Bằng	Sản phụ khoa	Pháp văn		
10	**435**	Đỗ Thị Mão	25/07/1975	Lào Cai	Sản phụ khoa	Pháp văn		
11	**436**	Trương Xuân Ninh	06/10/1974	Yên Bái	Sản phụ khoa	Pháp văn		
12	**437**	Nguyễn Thị Tú Quỳnh	25/05/1985	Hải Dương	Sản phụ khoa	Pháp văn		
13	**438**	Nguyễn Thị Thơm	05/07/1969	Hoà Bình	Sản phụ khoa	Pháp văn		
14	**439**	Đặng Thế Cường	19/12/1982	Nam Định	Sản phụ khoa	Pháp văn		
15	**440**	Trần Trung Kiên	24/06/1985	Hà Nội	Sản phụ khoa	Pháp văn		
16	**441**	Lê Xuân Thắng	01/08/1984	Hưng Yên	Sản phụ khoa	Pháp văn		
17	**442**	Ngô Thị Vân Anh	23/10/1982	Hà Nội	Sản phụ khoa	Pháp văn		
18	**443**	Phùng Trọng Thuỷ	27/04/1985	Tuyên Quang	Sản phụ khoa	Pháp văn		
19	**444**	Nguyễn Thị Ngọc Lan	31/05/1970	Hòa Bình	Sản phụ khoa	Pháp văn		
20	**445**	Trần Thị Thu Thủy	18/10/1968	Hà Nội	Sản phụ khoa	Pháp văn		
21	**446**	Trịnh Thị Giang	01/11/1973	Bắc Kạn	Sản phụ khoa	Pháp văn		
22	**447**	Đặng Đình Thảo	14/07/1968	Bắc Ninh	Sản phụ khoa	Pháp văn		
23	**448**	Đặng Hà Lan	12/10/1981	Thái Nguyên	Phục hồi chức năng	Pháp văn		
24	**449**	Hoàng Văn Sang	04/02/1973	Nghệ An	Phục hồi chức năng	Pháp văn		
25	**450**	Nguyễn Việt Hùng	15/07/1975	Phú Thọ	Phục hồi chức năng	Pháp văn		

Tổng số bài thi : ……

Tổng số tờ giấy thi : ……..

CÁN BỘ COI THI 1 **CÁN BỘ COI THI 2**

(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN) **(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN)**

DANH SÁCH HỌC VIÊN CHUYÊN KHOA I KHOÁ 18 THI NGOẠI NGỮ

Thời gian : 7h30 ngày 06-9-2014 **Phòng thi số : 19** **Địa điểm: P302 - T3 - HĐD**

TT	SBD	Họ tên	Năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp bài
1	**451**	Vũ Thị Nguyệt	11/12/1983	Hưng Yên	HH-Truyền máu	Pháp văn		
2	**452**	Trần Thị Hoa Hiên	21/10/1983	Thái Bình	HH-Truyền máu	Pháp văn		
3	**453**	Nguyễn Thị Dương	08/02/1979	Thanh Hóa	BV HH-TM TW	Pháp văn		
4	**454**	Lò Thị Thu Hiền	18/06/1975	Lai Châu	BV HH-TM TW	Pháp văn		
5	**455**	Lê Tuyết Mai	22/09/1974	Phú Thọ	BV HH-TM TW	Pháp văn		
6	**456**	Nguyễn Quốc Khiêm	07/11/1987	Nam Định	Sản - BVPSTW	Pháp văn		
7	**457**	Tạ Thu Hồng	23/01/1984	Sơn La	Sản - BVPSTW	Pháp văn		
8	**458**	Nguyễn Thế Anh	06/11/1982	Hà Tĩnh	Sản - BVPSTW	Pháp văn		
9	**459**	Trần Thị Xuân Hương	01/09/1981	Hà Tĩnh	Sản - BVPSTW	Pháp văn		
10	**460**	Ma Văn Từng	08/11/1977	Tuyên Quang	Sản - BVPSTW	Pháp văn		
11	**461**	Nguyễn Thị Thu Hà	04/03/1981	Nghệ An	Sản - BVPSTW	Pháp văn		
12	**462**	Hoàng Minh Hải	22/11/1986	Vĩnh Phúc	Sản - BVPSTW	Pháp văn		
13	**463**	Đào Khắc Luân	08/10/1985	Hà Tĩnh	Sản - BVPSTW	Pháp văn		
14	**464**	Nguyễn Thị Việt	15/08/1974	Hà Nội	Sản - BVPSTW	Pháp văn		
15	**465**	Hà Thị Hải Hường	10/11/1972	Phú Thọ	Sản - BVPSTW	Pháp văn		
16	**466**	Nguyễn Thị Quang	21/09/1971	Hà Nội	Sản - BVPSTW	Pháp văn		
17	**467**	Trịnh Minh Thuần	04/10/1983	Thanh Hóa	Sản - BVPSTW	Pháp văn		
18	**468**	Hà Thị Hường	12/11/1970	Bắc Ninh	Sản - BVPSTW	Pháp văn		
19	**469**	Nguyễn Thị Kim Ly	27/09/1980	Bắc Ninh	Sản - BVPSTW	Pháp văn		
20	**470**	Lô Thị Minh Châu	23/10/1980	Nghệ An	Sản - BVPSTW	Pháp văn		
21	**471**	Đinh Xuân Hanh	15/12/1971	Hà Nội	Sản - BVPSTW	Pháp văn		
22	**472**	Trương Minh Huấn	09/08/1973	Ninh Bình	YHCT-BVYHCTTW	Pháp văn		
23	**473**	Nguyễn Văn Long	11/08/1971	Hà Nội	YHCT-BVYHCTTW	Pháp văn		
24	**474**	Nguyễn Thị Thu Hiền	20/06/1976	Hà Nội	YHCT-BVYHCTTW	Pháp văn		
25	**475**	Hà Thành Tuyết	20/11/1971	Tuyên Quang	YHCT-BVYHCTTW	Pháp văn		
26	**476**	Lò Văn Nghiến	17/10/1979	Điện Biên	YHCT-BVYHCTTW	Pháp văn		
27	**477**	Phùng Thị Phương Lan	04/08/1974	Hải Phòng	YHCT-BVYHCTTW	Pháp văn		
28	**478**	Hoàng Thị Kim Oanh	12/03/1971	Hà Nội	T.nhiễm- BVTW	Pháp văn		
29	**479**	Cao Thị Tài	27/03/1979	Đắk Lắk	T.nhiễm- BVTW	Pháp văn		
30	**480**	Lê Duy Thanh	02/01/1973	Thanh Hóa	T.nhiễm- BVTW	Pháp văn		
31	**481**	Dương Thị Nhạn	09/11/1975	Thái Bình	T.nhiễm- BVTW	Pháp văn		

Tổng số bài thi : ……

Tổng số tờ giấy thi : ……..

CÁN BỘ COI THI 1 **CÁN BỘ COI THI 2**

(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN) **(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN)**

DANH SÁCH HỌC VIÊN CHUYÊN KHOA I KHOÁ 18 THI NGOẠI NGỮ

Thời gian : 7h30 ngày 06-9-2014 **Phòng thi số : 20** **Địa điểm: P303 - T3 - HĐD**

TT	SBD	Họ tên	Năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp bài
1	**482**	Lê Văn Điệp	10.6.1982	Nghệ An	CĐHA- BVBM	Pháp văn		
2	**483**	Hoàng Đình Trường	02.9.1980	Thanh Hoá	CĐHA- BVBM	Pháp văn		
3	**484**	Bùi Tiến Hữu	28.5.1978	Phú Thọ	CĐHA- BVBM	Pháp văn		
4	**485**	Nguyễn Xuân Giang	08.02.1976	Lạng Sơn	CĐHA- BVBM	Pháp văn		
5	**486**	Trần Hoàng Tùng	11.7.1986	Thái Nguyên	CĐHA- BVBM	Pháp văn		
6	**487**	Nguyễn Thị Thanh Hảo	26.01.1986	Hoà Bình	Nội - BVBM	Pháp văn		
7	**488**	Khuất Thị Thu Hương	19.9.1983	Hà Nội	Nội - BVBM	Pháp văn		
8	**489**	Nguyễn Văn Long	20.9.1976	Hà Giang	Nội - BVBM	Pháp văn		
9	**490**	Nguyễn Trường Văn	14.5.1983	Bắc Ninh	Nội - BVBM	Pháp văn		
10	**491**	Bùi Thái Tuấn	19.12.1972	Nghệ An	Nội - BVBM	Pháp văn		
11	**492**	Phạm Ngọc Ân	03.8.1978	Điện Biên	Nội - BVBM	Pháp văn		
12	**493**	Dương Thị Lợi	05.01.1982	Bắc Ninh	Nội - BVBM	Pháp văn		
13	**494**	Vương Thị Lan	22.02.1982	Hà Giang	Nội - BVBM	Pháp văn		
14	**495**	Trịnh Thị Ngọc	17.7.1983	Hải Dương	Nội - BVBM	Pháp văn		
15	**496**	Nguyễn Tiến Dũng	08.10.1982	Nam Định	Nội - BVBM	Pháp văn		
16	**497**	Sin Văn Sơn	27.10.1970	Hà Giang	Nội - BVBM	Pháp văn		
17	**498**	Phạm Hồng Công	18.8.1978	Phú Thọ	Nội - BVBM	Pháp văn		
18	**499**	Nguyễn Thị Ngọc	16.05.1974	Cao Bằng	Nội - BVBM	Pháp văn		
19	**500**	Nguyễn Thị Bình	22.07.1986	Thái Nguyên	Nội - BVBM	Pháp văn		
20	**501**	Phạm Quang Hoạch	13.9.1986	Thái Bình	Nội - BVBM	Pháp văn		
21	**502**	Nguyễn Đỗ Hưng	27.4.1983	Bắc Giang	GMHS- BVBM	Pháp văn		
22	**503**	Vi Văn Bách	10.6.1981	Nghệ An	GMHS- BVBM	Pháp văn		
23	**504**	Nguyễn Văn Thắng	27.7.1979	Bắc Ninh	GMHS- BVBM	Pháp văn		
24	**505**	Nguyễn Trường Sơn	26.10.1981	Nghệ An	GMHS- BVBM	Pháp văn		
25	**506**	Hà Quốc Viện	24.6.1976	Vĩnh Phúc	HSCC- BVBM	Pháp văn		
26	**507**	Nguyễn Văn Hải	10.8.1968	Nghệ An	HSCC- BVBM	Pháp văn		
27	**508**	Phạm Thị Mai Hoa	23.4.1972	Vĩnh Phúc	HSCC- BVBM	Pháp văn		
28	**509**	Trịnh Ngọc Thêm	2.6.1975	Hải Dương	HSCC- BVBM	Pháp văn		
29	**510**	Bùi Bá Quang			PHCN- BVBM	Pháp văn		

Tổng số bài thi : ……

Tổng số tờ giấy thi : ……..

CÁN BỘ COI THI 1 **CÁN BỘ COI THI 2**

(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN) **(KÝ VÀ GHI RÕ HỌ TÊN)**